

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢI PHÓNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

GS, TS TRINH NHƯ*

Sau một ngàn năm giữ vững nền độc lập và xây dựng đất nước, dân tộc Việt Nam đã từng chiến thắng nhiều kẻ thù xâm lược hùng mạnh, đến giữa thế kỷ XIX, Việt Nam trở thành đối tượng xâm lược của tư bản Pháp. Bất chấp sức mạnh của vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại và vượt lên sự bạc nhược, đầu hàng của triều đình nhà Nguyễn, hơn 70 năm ròng rã (1858-1930), dân tộc Việt Nam dấy lên nhiều phong trào đấu tranh, thử nghiệm nhiều học thuyết và phương pháp cách mạng giải phóng dân tộc (GPDT), lớp người trước chưa thành công, lớp người sau lại tiếp bước để cuối cùng đi tới con đường giải phóng và phát triển dân tộc của Nguyễn Ái Quốc và ĐCS Việt Nam.

1. Thử nghiệm các học thuyết và phương pháp cứu nước trước khi hình thành con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc và ĐCS Việt Nam

Từ 1858 đến 1884, đối đầu với họa ngoại xâm, đã xuất hiện nhiều phong trào kháng chiến chĩa mũi nhọn vào quân Pháp và triều đình đầu hàng. Phong trào kháng chiến đã khẳng định tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, vượt qua ý thức trung quân của Nho giáo thủ cựu; ghi nhận một bước phát triển của tư tưởng yêu nước Việt Nam, song cũng chưa đủ

sức tiếp cận với tư tưởng mới để tạo dựng đường lối và phương pháp đấu tranh chiến thắng họa xâm lược của tư bản Pháp.

Xuất hiện gần như cùng thời với phong trào nhân dân kháng chiến là xu hướng cải cách, nhằm thay đổi cơ cấu tổ chức nhà nước, thiết lập một thể chế kinh tế, tài chính, giáo dục đào tạo nhân tài mới cho đất nước như các nước tư bản đã từng thực hiện. Tư duy chính trị của những nhà yêu nước thuộc phái cải cách nảy sinh từ tầm nhìn thế giới TBCN và sự phân tích sắc sảo những giá trị văn hoá, lợi thế địa kinh tế của đất nước và tinh ưu việt của con người Việt Nam. Nét vượt trội của tư duy chính trị đó được thể hiện ở sự phát hiện một khả năng mới mà dân tộc Việt Nam có thể đạt tới, đó là kết hợp tinh thần yêu nước, sự thông minh, sáng tạo của con người Việt Nam với thành quả văn minh nhân loại thời bấy giờ, đưa đất nước phát triển thành một quốc gia phú cường như dự đoán của nhà cải cách Nguyễn Trường Tộ. Tuy nhiên, những đề nghị cải cách đã bị triều đình Huế khước từ, đất nước vẫn bị chìm đắm trong vòng lạc hậu của chế độ phong kiến, dẫn tới hậu quả mất nước.

Phản kháng đầu tiên của nhân dân Việt Nam sau khi đất nước bị biến thành thuộc địa được tiến hành dưới hình thức khởi nghĩa vũ trang trên quy mô rộng lớn ở Bắc, Trung, Nam do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

xướng. Lớp nho sĩ yêu nước hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, sẵn sàng hy sinh để thực hiện nghĩa vụ cứu nước, được đồng đảng quần chúng tin theo, tạo dựng nhiều trung tâm đấu tranh vũ trang mạnh mẽ và anh dũng chiến đấu trong nhiều năm, gây trở ngại lớn cho việc thiết lập và ổn định bộ máy chính quyền thuộc địa trong những năm cuối thế kỷ XIX. Tuy vậy, phong trào vẫn chưa thực hiện được mục tiêu GPDT.

Tinh thần đấu tranh GPDT của lớp nho sĩ cuối thế kỷ XIX vẫn chỉ dừng lại ở phương pháp tư duy mà Phan Đình Phùng, vị tiến sĩ tiêu biểu của đội ngũ lãnh đạo phong trào Cần Vương bày tỏ: "nhưng tôi ngẫm nghĩ lại nước mình mấy ngàn năm nay đất nước chẳng rộng, quân lính không mạnh, tiền của chẳng giàu, cái chỗ dựa để dựng nước là nhờ cái gốc vua tôi, cha con theo năm đạo thường mà thôi"¹. Quan điểm ấy không thể giúp cho các nhà lãnh đạo phong trào thấu hiểu và giải quyết đúng đắn mối quan hệ độc lập dân tộc (ĐLDT) và tiến bộ xã hội, chủ quyền quốc gia và lợi ích của nhân dân để xây dựng và tăng cường sức mạnh của dân tộc, chiến thắng kẻ thù xâm lược. Nhưng, thất bại của thế hệ Cần Vương không làm chùn bước thế hệ sau dẫn tới tìm kiếm con đường mới của sự nghiệp GPDT.

Những năm đầu thế kỷ XX là thời điểm diễn ra nhiều biến đổi kinh tế - xã hội do tác động của quá trình tư bản Pháp khai thác thuộc địa. Nhiều tầng lớp cư dân đô thị như tiểu thương, tiểu chủ, tư sản dân tộc, trí thức tây học, công chức... xuất hiện, tạo cơ sở xã hội cho sự tiếp nhận tư tưởng dân chủ tư sản từ phương Tây, Trung Quốc tràn vào và ảnh hưởng của Nhật Bản duy tân dội tới. Đồng thời, tư tưởng cải cách do những nho sĩ Việt Nam đề xuất trong thập niên 60, 70 thế kỷ XIX cũng được trân trọng và kế thừa. Trên cơ sở đó một xu hướng yêu nước và cách mạng mới xuất hiện, bao

hàm và kết hợp hai mục tiêu: ĐLDT và dân chủ theo quan điểm tư sản. Từ cái gốc đó, nảy sinh hai phong trào, hai phương thức đấu tranh là bạo động do Phan Bội Châu đứng đầu và cải cách do Phan Châu Trinh đề xướng.

Ngay từ lúc khởi phát, xu hướng bạo động đã thể hiện rõ những giá trị tiến bộ về tư tưởng chính trị và phương pháp tổ chức lực lượng đấu tranh. Một tổ chức của những người cùng chí hướng với Phan Bội Châu được thành lập mang tên Hội duy tân. Hội chủ trương phát động phong trào Đông du, tuyển chọn thanh niên yêu nước đưa sang Nhật học tập, chuẩn bị đội ngũ cán bộ để tiến hành bạo động, đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục ĐLDT, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến, xây dựng đất nước theo con đường TBCN. Phong trào này sớm được nhiều tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên, hưởng ứng, ủng hộ và tham gia. Song, Chính phủ Nhật Bản tiếp nhận thanh niên Việt Nam sang học tập chỉ là mưu đồ cạnh tranh của họ đối với đế quốc Pháp, chứ không phải là thiện chí giúp Việt Nam giải phóng khỏi họa thuộc địa. Vì vậy, khi nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương yêu cầu, họ đã trục xuất những nhà lãnh đạo phong trào Đông du và du học sinh Việt Nam. Sự phản bội đó đã làm cho Phan Bội Châu nhận thức rõ đế quốc Nhật không thể là người bạn quốc tế của cách mạng Việt Nam.

Nấc thang phát triển cao nhất của xu thế bạo động hiện rõ ở sự thành lập một tổ chức cách mạng mới mang tên Việt Nam quang phục hội (VNQPH) năm 1912, nhằm thực hiện mục tiêu giành ĐLDT, kiến lập nền cộng hòa dân quốc thay chính thể quân chủ lập hiến mà Hội duy tân chủ trương. Điều này phản ánh một quan điểm mới về tư duy chính trị của Phan Bội Châu và VNQPH do tác động tích cực của cách mạng Tân Hợi Trung Quốc. Song, về xây dựng tổ chức, phát triển hội viên và mở rộng quan hệ với nhân dân, Hội vẫn còn rất

nhiều hạn chế. Lực lượng chủ yếu của Hội lại ở ngoài nước; cơ sở trong nước ít ỏi, thiếu gắn bó chặt chẽ với các giới đồng bào. Cho dù Phan Bội Châu nêu cao khẩu hiệu "cử quốc đồng tâm" (cả nước một lòng- T.G), cho tới trước năm 1924, chưa từng thấy Ông nói tới GCCN và nông dân.

Phương pháp tổ chức của Hội thiếu khoa học, không có chương trình, kế hoạch lâu dài và trước mắt, cách tiến hành bạo động cũng chỉ giới hạn ở phạm vi nhỏ hẹp, nặng về trừ khử những tên trùm thực dân và tay sai. Sự nỗ lực cao nhất của VNQPH là phát động hai cuộc khởi nghĩa Duy tân (1916) và Thái Nguyên (1917). Vai trò lịch sử của VNQPH kết thúc, ngã đường cứu nước bằng phương pháp bạo động nghẽn tắc. Trước tình hình đó, Phan Bội Châu ngã sang xu hướng cải lương. Tuy lòng yêu nước nhiệt thành của Ông không hề suy giảm, song mục tiêu đấu tranh bị thu hẹp chỉ còn lại những yêu cầu về quyền tự do tư tưởng, ngôn luận mà chính quyền thuộc địa phải trao lại cho nhân dân Việt Nam.

Trước khi bị thực dân Pháp bắt, Phan Bội Châu vẫn tìm kiếm học thuyết cách mạng mới và Ông đã bắt gặp lý luận CNXH khoa học và tìm hiểu hiện thực xã hội Nga Xô viết. Những hiểu biết về các vấn đề trên đã dấy lên trong lòng Ông tình cảm tốt đẹp với CNXH mà Ông ví như trận gió xuân thổi tới trong lúc khối độc, mây mù, như tia thái dương mọc ra chính lúc trời khuya, đất ngủ. Song những lời ca ngợi đó không có nghĩa là Ông đã chuyển sang lập trường XHCN. Ông cho biết: "những sách nói về chủ nghĩa xã hội tôi đã đọc nhiều, đã nghiên cứu rất kỹ, tôi vẫn công nhận rằng những lý thuyết ấy rất chính đáng, nhưng chưa thể thực hành ở xứ này được"².

Giữa lúc Phan Bội Châu và Hội duy tân tổ chức phong trào Đông du, Phan Châu Trinh và những người tán thành phương pháp cải cách

lại phát động phong trào cải cách để mở đường đi tới giành ĐLDT, thực hiện dân chủ theo quán điểm tư sản. Con đường đấu tranh của Phan Châu Trinh được thực hiện bằng hai biện pháp:

Một là, Ông lý giải nỗi khổ của đồng bào là do nhà cầm quyền Pháp dung túng bộ máy quan lại Việt Nam tham nhũng, bóc lột, nhũng nhiễu dân, xa cách và khinh rẻ dân; cộng với nạn sưu cao, thuế nặng. Từ nhận thức đó, Ông đề xuất một số biện pháp cải cách, yêu cầu nhà cầm quyền Pháp thực hiện. Đó là: "đổi chính sách đi, kén chọn người hiền tài, trao quyền bính cho, lấy lễ mà tiếp, lấy thành mà đãi, cùng nhau lo toan việc dấy lợi trừ hại ở trong nước, mở đường sinh nhai cho dân nghèo"³. Gắn với cải cách bộ máy quan lại là yêu cầu thực hiện quyền tự do dân chủ về ngôn luận, giáo dục, hoạt động kinh doanh, giảm nhẹ thuế khoá.

Hai là, Phan Châu Trinh và những người cùng xu hướng với Ông chủ trương "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" để thực hiện dân quyền bằng cách mở trường dạy học, mở mang hiểu biết cho dân, tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, ý thức đoàn kết, tự cường, chống tư tưởng phong kiến bảo thủ, tri trệ, lĩnh hội tri thức văn minh nhân loại, kết hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá Việt Nam, thay đổi lối sống theo kiểu văn minh... Những hoạt động ấy ban đầu đều diễn ra trong khuôn khổ pháp luật của chế độ thuộc địa. Nhưng khi những tư tưởng yêu nước, dân chủ đó đi vào quần chúng, cộng với nỗi bất bình cao độ của họ đối với sự tàn bạo của chế độ thuộc địa, thì họ lại sẵn sàng chuẩn bị thực hiện bạo động chống chính quyền thực dân, một hình thức đấu tranh vượt quá khuôn khổ cải cách.

Xu thế hình thành bạo lực quần chúng càng lộ rõ ở phong trào Duy tân tại Trung Kỳ năm 1908. Cuộc đấu tranh đòi giảm sưu thuế phát triển rất nhanh chóng, thu hút hàng chục vạn

nông dân tham gia dưới hình thức biểu tình, trực tiếp, công khai đối diện với giới quan lại cấp tỉnh, biểu lộ sức mạnh của mình, không chịu khuất phục trước cường quyền của kẻ xâm lược. Rõ ràng, hoạt động đó đã vượt xa ý tưởng cải cách, bất bạo động và "ý Pháp cầu tiến bộ" (dựa vào Pháp để mưu cầu tiến bộ) của các nhà yêu nước để xướng cải cách và đòi thực hiện dân quyền.

Bộ máy cai trị của nhà cầm quyền thực dân trả lời các chiến sĩ yêu nước và đồng bào ta tham gia đấu tranh bằng súng đạn, bắt bớ, cầm tù và chém giết.

Sự thất bại của xu hướng cải cách bắt nguồn từ những hạn chế trong tư duy chính trị của Phan Châu Trinh và những người cùng chí hướng với Ông được thể hiện ở chỗ đánh giá không đúng bản chất của chủ nghĩa thực dân, kẻ đã hoàn toàn phủ nhận tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và học thuyết dân chủ của cách mạng tư sản Pháp. Khi tiến hành xâm lược, thống trị thuộc địa, thực dân Pháp chỉ thi hành chính sách bóc lột, đầu độc và ngu dân đối với cư dân bản xứ, sẵn sàng đàn áp, dập tắt mọi phong trào đấu tranh đòi thực hiện dân quyền. Như vậy, không thể dựa vào chính quyền thuộc địa để thực hiện công cuộc cải cách mang đậm tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc và dân chủ.

Từ nhận thức trên, các nhà cải cách xác định không đúng đối tượng đấu tranh của nhân dân Việt Nam là chế độ thuộc địa để giành quyền ĐLDT và thực hiện dân quyền. Trong phạm vi dân quyền, họ cũng chưa đề cập đúng mức nhiều nội dung cơ bản của quyền dân chủ chính trị, kinh tế, văn hoá được thực hiện trong độc lập, tự do của dân tộc. Họ cũng chưa đánh giá đúng sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân và không có phương pháp tổ chức, huy động lực lượng nhân dân lên trận tuyến đấu tranh chống chế độ thuộc địa.

Nấc thang cuối cùng của con đường cách mạng dân chủ tư sản do Việt Nam quốc dân Đảng (QĐĐ) (thành lập năm 1927) thực hiện khi GCTS mới thành hình, GCCN đang trên đà trưởng thành để trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Cũng ở thời điểm đó, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và nhiều tổ chức tiền thân của ĐCS lần lượt ra đời, thu hút và giác ngộ đông đảo quần chúng đấu tranh GPDT theo con đường cách mạng vô sản (CMVS).

QĐĐ do những tiểu tư sản trí thức thành lập, hoạt động theo cương lĩnh thiếu nhất quán. Trong ba năm từ 1927 đến 1929, QĐĐ nhiều lần thay đổi nội dung quan trọng của cương lĩnh đấu tranh, từ tiến hành cách mạng quốc gia, cách mạng thế giới đến CNXH dân chủ rồi sau đó, thay thế bằng các nguyên tắc *tự do, bình đẳng, bác ái* của cách mạng tư sản Pháp, và cuối cùng tiếp nhận chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn, nhưng không đề cập tới chủ trương chia ruộng đất cho nông dân, một nguyện vọng cơ bản của nông dân Việt Nam. Tình trạng trên bắt nguồn từ sự non yếu về tư duy lý luận chính trị, khiến QĐĐ chưa đủ sức xác định đúng đắn con đường cách mạng GPDT.

Giàu lòng yêu nước và tinh thần chống ngoại xâm, nhưng do thiếu một cương lĩnh cách mạng dựa trên nền tảng lý luận chính trị khoa học và thực tế đất nước, chưa xác lập và chấp hành các nguyên tắc tổ chức bảo đảm sự thống nhất tư tưởng, hành động, gây nên sự bất đồng trong nội bộ và không ngăn chặn được một số phần tử tay sai của chính quyền thực dân chui vào, làm giảm sức mạnh của đảng. Trong lúc đó lại bị thực dân Pháp tăng cường đàn áp gắt gao, QĐĐ vội lao vào cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) mà những điều kiện và thời cơ thắng lợi của nó chưa chín muồi. Hành động ấy biểu lộ rõ nét tính hăng hái nhất thời,

tính bông bột, tiểu tư sản và sự non yếu của GCTS Việt Nam.

Thất bại của khởi nghĩa Yên Bái kéo theo sự tan rã và phân hoá của Việt Nam QĐĐ: một bộ phận gia nhập ĐCS Việt Nam, một bộ phận tuy vẫn giữ danh nghĩa QĐĐ nhưng đã phản bội lý tưởng đấu tranh GPDT của đảng này.

2. *Đảng cộng sản Việt Nam thành lập, mốc son lịch sử mở đường thắng lợi cho sự nghiệp giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam*

Trong lúc các phong trào đấu tranh GPDT dưới ngọn cờ dân chủ tư sản của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh bộc lộ rõ sự bất cập về tư tưởng chính trị, về tổ chức, xây dựng lực lượng và phương pháp đấu tranh, phong trào nông dân Yên Thế sắp kết thúc, Nguyễn Ái Quốc đã nhận biết sự bức bách tìm kiếm con đường cách mạng có thể giúp dân tộc Việt Nam giành độc lập tự do và chính Người đã tự đảm đương trách nhiệm cao cả đó. Trải qua gần 10 năm quan sát thực tế xã hội, chế độ chính trị của hai loại quốc gia đế quốc chủ nghĩa và thuộc địa, Người thấy rõ sự trái ngược giữa đời sống khổ cực của người lao động và các dân tộc thuộc địa với các học thuyết cách mạng tư sản về tự do, bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết. Mặt khác, ảnh hưởng tốt đẹp của Cách mạng tháng Mười Nga và hiện thực xã hội mới do nhân dân lao động thực sự làm chủ được thiết lập tại nước Nga Xô viết dội tới Pari, nơi Nguyễn Ái Quốc đang tham gia nhiều hoạt động chính trị, xã hội. Tất cả các yếu tố đó đều khiến Người nhanh chóng nhận biết ở chủ nghĩa Mác - Lênin, chân lý cách mạng soi sáng con đường GPDT mà Người đang khát khao tìm kiếm. Bước ngoặt đó được đánh dấu ở sự kiện Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận những luận điểm cách mạng GPDT của Lênin trong tác phẩm *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*.

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam và các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc xác lập một hệ thống luận điểm cách mạng làm cơ sở cho việc hoạch định con đường cách mạng GPDT Việt Nam. Đó là, cách mạng thuộc địa có vai trò quan trọng trong cách mạng thế giới, cùng phối hợp chặt chẽ với CMVS ở các nước đế quốc để tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc. Cách mạng thuộc địa có thể giành được thắng lợi trước CMVS ở chính quốc. Thành công của cách mạng GPDT sẽ tước bỏ nguồn sinh lực chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc và giúp cho GCVS phương Tây những điều kiện thuận lợi để giải phóng. Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh tính chủ động của cách mạng thuộc địa và cho rằng công cuộc giải phóng thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của nhân dân thuộc địa, đồng thời Người cũng thiết tha đề nghị ĐCS các nước đế quốc cần tích cực tuyên truyền, cổ vũ và ủng hộ sự nghiệp đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa. Người cho rằng, sự nghiệp giải phóng GCVS gắn liền với sự nghiệp GPDT: "chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc. Cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản thế giới"⁴.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới trong thời đại mới, vận động và phát triển theo quỹ đạo CMVS. Sự thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân đã chuẩn bị sẵn đất rồi, CNXH chỉ còn gieo hạt giống cho công cuộc giải phóng nữa thôi. Nguồn lực cách mạng của nhân dân Việt Nam và Đông Dương rất dồi dào và sẽ bùng nổ khi thời cơ đến. Người rất chú trọng phân tích, đánh giá những đặc trưng của xã hội thuộc địa Việt Nam, nơi phân hoá giai cấp và mâu thuẫn giai cấp chưa phát triển đến mức gay gắt như các nước phương Tây. Vì vậy, đấu tranh giai cấp cũng diễn ra không quyết liệt như ở phương

Tây. Ở đây, chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước và nó đang được hiện đại hoá khi chuyển từ bộ phận ưu tú này sang bộ phận ưu tú khác của dân tộc. Chủ nghĩa dân tộc đó mang nhiều yếu tố tích cực, xa lạ với chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, khi cách mạng thắng lợi trên phần lớn thế giới, nó sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế.

Cách mạng Việt Nam phải là cách mạng triệt để, giành ĐLDT, chính quyền do dân chúng số đông nắm giữ, nhân dân được hưởng hạnh phúc, tự do, bình đẳng thực sự. Quân chúng đông đảo, mà công, nông là gốc, khi đã giác ngộ lý luận cách mạng, biết cách đấu tranh và đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng, là sức mạnh vô địch của cách mạng. *Điều quan trọng nhất của cách mạng là phải có Đảng cách mạng, được trang bị chủ nghĩa Mác - Lênin, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, lãnh đạo nhân dân.*

Cách mạng Việt Nam cần thiết lập mối quan hệ quốc tế rộng rãi, cần sự giúp đỡ của bạn bè trên thế giới, song trước hết, cách mạng Việt Nam phải biết tự giúp mình và đóng góp vào sự phát triển của cách mạng thế giới. Xem xét chủ trương và hoạt động của Quốc tế III thì thấy rằng đây là một tổ chức cách mạng và chân chính của GCVS quốc tế, nêu cao khẩu hiệu "giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới liên hiệp lại" và ra sức vận động, ủng hộ cách mạng giải phóng các dân tộc bị áp bức, cách mạng Việt Nam tất phải nhờ sự giúp đỡ của Quốc tế này.

Cùng với việc phổ biến chủ nghĩa Mác - Lênin và những quan điểm cách mạng của mình, Nguyễn Ái Quốc rất chú trọng tiếp xúc với nhóm thanh niên giàu lòng yêu nước, thành viên của Tâm tâm xã và tìm gặp các nhà cách mạng quốc gia Việt Nam để tuyên truyền, cảm hoá họ đi vào con đường cách mạng mà Người đã lựa chọn. Nhiều người trong số đó gia nhập

các tổ chức cách mạng do Nguyễn Ái Quốc thành lập như Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Cộng sản Đoàn. Riêng đối với Phan Bội Châu, Người đã tiếp xúc và trao đổi với Ông về cách xây dựng tổ chức cách mạng và phương pháp hoạt động. Phan Bội Châu giới thiệu 10 người đã từng hoạt động với Ông cho Nguyễn Ái Quốc huấn luyện về phương pháp tổ chức và hoạt động cách mạng.

Ở đây cũng cần nhấn mạnh rằng, qua những cuộc tiếp xúc và thư từ trao đổi với Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu tuy không chuyển sang lập trường vô sản nhưng Ông đã đặt hi vọng nhiều ở những cống hiến lớn lao mà Nguyễn Ái Quốc sẽ mang lại cho Tổ quốc Việt Nam. Trong bản trả lời cuộc hỏi cung của Hội đồng để hình Hà Nội đối với Phan Bội Châu từ ngày 29-8-1925 đến ngày 9-11-1925, Ông cho biết: "tôi đã gặp ông ta (tức Nguyễn Ái Quốc - T.G) nhiều lần ở Quảng Đông. Đó là một con người sẽ có nhiều cống hiến lớn cho đất nước"⁵.

Trước đó ba năm, vào năm 1922, Phan Châu Trinh đã bày tỏ dòng suy nghĩ của mình cũng tương tự như lời nhận xét trên của Phan Bội Châu: "Tôi khuyên anh nên thu xếp mà về, đưa tài năng của mình kích động nhân dân, hô hào đồng bào ba kỳ đồng tâm hiệp lực để mà đánh đổ cường quyền áp chế ắt là thành công..."

Anh Nguyễn, tôi tưởng tâm với anh đã rõ nguồn cơn... Còn anh như cây dương lộc, nghị lực có thừa, dầy công học tập, lý thuyết tinh thông... Tôi cầu chúc anh thành công và hi vọng thấy mặt nhau ở quê hương xứ sở"⁶.

Những ý kiến của hai nhà cách mạng dân chủ tư sản lão thành Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh cùng biểu thị niềm tin thắng lợi của chân lý cách mạng và năng lực tổ chức lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc đối với sự nghiệp GPDT.

Tác động tích cực của chủ nghĩa Mác - Lênin, luận điểm cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên trong nửa sau những năm hai mươi thế kỷ XX càng giữ vai trò đặc biệt quan trọng: vừa giác ngộ, huy động quần chúng vào phong trào đấu tranh chống chế độ thuộc địa, vừa cuốn hút, chuyển hoá lập trường, quan điểm cách mạng của nhiều đảng phái yêu nước lúc bấy giờ hoặc một bộ phận đáng kể thành viên của nó. Có thể coi sự phát triển tư tưởng chính trị và tổ chức của Hội Hưng Nam, Tân Việt là điển hình về sự chuyển biến và phân hoá của một tổ chức yêu nước khi tiếp xúc với Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Một nhóm thành viên Tân Việt chuyển sang lập trường cộng sản và thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Nửa sau năm 1929, tại Bắc Kỳ, Đông Dương cộng sản Đảng, do phát huy ảnh hưởng tích cực của mình, đã thu hút được một số đảng viên QĐĐ để thành lập một số chi bộ tại Hưng Yên, Vĩnh Yên, Phúc Yên. Sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái tháng 2- 1930, QĐĐ bị phân hoá mạnh mẽ, một số đảng viên của đảng này giác ngộ lý tưởng cộng sản, từ bỏ các học thuyết mà QĐĐ tin theo, tham gia ĐCS, tiêu biểu là Phạm Tuấn Tài, một trong những nhà sáng lập QĐĐ, Trần Huy Liệu, Lê Văn Phúc... Lời *Di chúc* của Phạm Tuấn Tài cho biết nhận thức của họ về chủ nghĩa Mác - Lênin và niềm tin ở lý tưởng cộng sản: "Do những kinh nghiệm về cách mệnh, tôi nhận thấy rằng: muốn phá hoại một xã hội cũ và kiến thiết một xã hội mới, lực lượng cách mệnh chỉ có thể trông vào các giai cấp nào trong xã hội bị bóc lột hơn hết và bị áp bức hơn hết. Và muốn đánh đổ chế độ hiện thời, những phần tử cách mệnh ở các dân tộc bị áp bức, phải liên kết với công nông và quần chúng lao khổ ở các nước tư bản mà thành lập một trận tuyến chung. Chủ nghĩa

quốc gia hiện đã trái mùa, cả đến chủ nghĩa xã hội dân chủ hay chủ nghĩa tam dân cũng chỉ là những mệnh lệnh cải lương dở dang không công hiệu. Nói rõ hơn, chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin mới có thể đánh đổ được chủ nghĩa đế quốc mà giải phóng cho các dân tộc yếu hèn, chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin mới có thể phá tan được xã hội giai cấp mà dẫn nhân loại tới thế giới đại đồng.

Tôi lại nghĩ rằng: các bạn đồng chí chết trước của Đảng, nếu còn sống tới ngày nay sẽ cũng thuận theo trào lưu thế giới cùng hoàn cảnh Việt Nam mà đi tới chỗ cách mạng triệt để. Tôi cũng lại tin rằng: các bạn đồng chí còn lại trung thành với cách mệnh sẽ là những người cùng chung một sự tin ngưỡng với tôi"⁷.

Ngay từ khi thành lập, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, ĐCS Việt Nam đã xác định rõ đường hướng phát triển của dân tộc Việt Nam là giành ĐLDT, tiến hành cách mạng ruộng đất và thực hiện các quyền tự do cho nhân dân về chính trị, xã hội, văn hoá, giáo dục, phát triển nền kinh tế dân tộc, đưa đất nước tiến tới CNCS. Đảng chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc bao gồm các giai cấp và tầng lớp nhân dân yêu nước kể cả trung, tiểu địa chủ, phú nông, tư sản, các tổ chức yêu nước cách mạng, chỉ trừ những phần tử phản bội Tổ quốc, làm tay sai cho đế quốc; cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cần tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, song vẫn phải dựa vào sức mình là chính và góp phần vào sự phát triển của cách mạng thế giới. ĐCS Việt Nam là đội tiên phong của GCVS, phấn đấu vì thắng lợi của sự nghiệp GPDT và nhân dân lao động được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

Đường hướng cách mạng, lực lượng cách mạng do ĐCS Việt Nam tạo dựng đã đáp ứng

những yêu cầu giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam theo xu thế của thời đại mới, khắc phục những hạn chế của các thể hệ lãnh đạo các phong trào yêu nước, cách mạng trước đó.

Nhờ đường lối cách mạng đúng đắn và năng lực vận động, tổ chức quần chúng của Đảng bộ các cấp, chỉ mấy tháng sau khi thành lập, Đảng đã nhanh chóng phát động được phong trào cách mạng rộng lớn ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam mà đỉnh điểm là Xô viết Nghệ - Tĩnh. Tham gia phong trào đấu tranh không chỉ có thợ thuyền và dân cày mà còn có cả những người trong các tầng lớp trên như phú nông, trung, tiểu địa chủ, quan lại nhỏ, trí thức... Hẳn rằng, đó là sự kiểm nghiệm thực tiễn giá trị đúng đắn của đường lối cách mạng và năng lực lãnh đạo của ĐCS.

Cao trào cách mạng 1930-1931 dù bị chính quyền thực dân đàn áp, khủng bố ác liệt, nhiều cấp uỷ Đảng bị địch phá vỡ, kể cả BCH Trung ương, nhưng chúng không thể nào tiêu diệt được ĐCS Việt Nam. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng vẫn còn tồn tại trong quần chúng công, nông, lại được Quốc tế cộng sản chỉ đạo và nhiều ĐCS giúp đỡ, chỉ vài ba năm sau, hệ thống tổ chức Đảng và phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo lại phục hồi. Giữa lúc đó, tháng 2-1930, QĐĐ phát động khởi nghĩa Yên Bái, bị thực dân Pháp dập tắt nhanh chóng, kéo theo sự tan rã của đảng này. Diễn biến của hai loại sự kiện lịch sử đó cho thấy rõ tính ưu việt của chân lý cách mạng, đường lối đấu tranh và năng lực lãnh đạo của ĐCS Việt Nam trong chặng đường thử thách, kiểm nghiệm khách quan đầu tiên của thực tiễn cách mạng Việt Nam.

21 năm sau ngày Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, lời phát biểu của Bác Hồ tại Đại hội Đảng lần thứ II, năm 1951, khắc họa đậm nét giá trị to lớn của sự kiện thành lập Đảng đối với

sự phát triển của cách mạng và vận mệnh dân tộc Việt Nam: "Tôi sung sướng vì là tôi nhớ lại lúc Đảng cộng sản Đông Dương (Đảng cộng sản Việt Nam-T.N) thành lập. Thành lập như thế nào? Thành lập bí mật, Đảng ta lúc sinh ra cũng như một người con đẻ bí mật. Nó đẻ ở đâu? Trên một cái đời tạm thời thuộc đế quốc. Nó đẻ ra ở đâu? Bên một sân bóng của đế quốc tư bản. Lúc đó chỉ có một nhóm-nhỏ con con đồng chí. Số người tuy ít nhưng lòng kiên quyết rất to, nhưng hy vọng... rất to. Tuy số người con con nhưng đã tin tưởng Đảng sẽ giải phóng dân tộc và giúp vào cuộc giải phóng thế giới. Bây giờ chúng ta đang giải phóng dân tộc, đang giúp vào công cuộc bảo vệ hoà bình thế giới, cuộc giải phóng thế giới. Thế là cái mục đích, cái hy vọng nho nhỏ của một số ít đồng chí không những đã thành mục đích, hy vọng lớn của toàn dân tộc mà cũng là mục đích, hy vọng lớn của đa số nhân dân thế giới. Thế là:

"Rằng bây giờ mới thấy đây,

Mà lòng đã chắc những ngày còn thơ"⁸.

1. *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1858-1900)*, Văn học, H, 1970, tr.282

2. *Phan Bội Châu Toàn tập*, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1990, T.4, tr.370

3. Dẫn theo Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Viện sử học: *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, Nxb KHXH, H, 1999, tr.150-151

4. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.1, tr.416

5. Dẫn theo Chương Thâu: *Nghiên cứu Phan Bội Châu*, CTQG, H, 2004, tr.415

6. *Thư Phan Châu Trinh gửi Nguyễn Ái Quốc năm 1922*, báo *Nhân dân*, số 10553, ngày 19-5-1983

7. Vũ Khiêu (chủ biên): *Phạm Tuấn Tài cuộc đời và tác phẩm*, CTQG, H, 2002, tr.526-527

8. *Biên bản Đại hội Đảng lần thứ II*, lưu tại Kho lưu trữ Trung ương Đảng.